TÒA ÁN NHÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ - ST
Ngày 17 - 4 - 2019
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Đoàn Kim Thạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên**.**

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 710/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019; quyết định Hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Số 20/4A Lê Văn Nhung, khóm L 3, phường B, thành phố L, tỉnh A.

Tạm trú: Phòng số 10, nhà trọ Đông Quân, số 55-56E đường Sư Vạn Hạnh, khóm K 7, phường K, TP. L, tỉnh A.

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Số 20/4A Lê Văn Nhung, khóm L 3, phường B, thành phố L, tỉnh A.

Tạm trú: Phòng số 10, nhà trọ Đông Quân, số 55-56E đường Sư Vạn Hạnh, khóm K 7, phường K, TP. L, tỉnh A.

(Bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Ông V vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 19/9/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Minh V tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2006 và đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại UBND phường B vào ngày 23/02/2016. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì ly thân đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống thời gian dài nên thường xuyên gây cãi. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 (Một) con chung tên Phạm Thị A, sinh ngày 21/11/2007. Hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, và yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Minh V không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà L và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có bổ sung; bà L có đơn đề ngày 11/4/2019 yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông V vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L xin ly hôn, ông Phạm Minh V không thể hiện ý kiến phản đối và vắng mặt trong quá trình tố tụng nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà L cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống thời gian dài nên thường xuyên gây cãi. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, ông V cũng không về thăm con, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Do đó, việc bà L xin ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông V.

Về con chung: Bà L và ông V 01 con chung tên Phạm Thị A, sinh ngày 21/11/2007, hiện bà L đang trực tiếp nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giao quyền cho bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Bà L yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có và bị đơn không có ý kiến nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Minh V là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết, sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà L có đơn đề ngày 11/4/2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Phạm Minh V và được Công an phường B cung cấp thông tin: "Ông Phạm Minh V, sinh năm 1981; Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số 20/4A Lê Văn Nhung, khóm L 3, phường B, thành phố L, tỉnh A", Công an phường K cung cấp thông tin: "Ông Phạm Minh V, sinh năm 1981, có đăng ký tạm trú tại Phòng số 10, nhà trọ Đông Quân, số 55-56E Sư Vạn Hạnh, khóm K 7, phường K, TP. L, tỉnh A nhưng hiện nay đã không còn tạm trú tại địa chỉ trên"

Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông V.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông V dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND phường B, thành phố L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/KH/2006, quyển số 01 ngày 23/02/2006 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2005; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng. Bà L cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống thời gian dài nên thường xuyên gây cãi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Từ khi ly thân ông V cũng không về thăm con, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông V.

Bị đơn ông V không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà L và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà L và ông V đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Lụa và ông Vũ có 01 con chung tên Phạm Thị A, sinh ngày 21/11/2007, hiện nay bà L đang nuôi dưỡng con chung. Bà L có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Phạm Minh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, con chung hiện nay bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian qua con chung được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường; cháu A cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu A theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Nguyễn Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, bà L yêu cầu ông Vũ phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình thì ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu là 695.000đ, thực hiện từ ngày 17/4/2019 đến khi con chung trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Bà Nguyễn Thị L phải tạo điều kiện cho ông Phạm Minh V được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Ông V phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà L và bị đơn ông V.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Minh V.

2. Về con chung: Bà L và ôngV có 01 (một) con chung tên Phạm Thị A, sinh ngày 21/11/2007. Bà L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Phạm Minh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu là 695.000đ, thực hiện từ ngày 17/4/2019 đến khi con chung trưởng thành. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Bà L cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông V thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Do bà L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009931 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà L đã nộp đủ án phí.

Ông V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TP L;
- THADS TP L;

- UBND phường B, TP. L, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Thị Minh Trang